TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO CUỐI KỲ**

**PHÁT TRIỂN WEB NODEJS**

**WEB XEM PHIM TRỰC TUYẾN**

*Người hướng dẫn*: **TS VŨ ĐÌNH HỒNG**

*Người thực hiện*: **ĐINH VĂN THẮNG – 52000800**

**LÊ MINH KHÔI – 52000774**

**NGUYỄN DUY ĐÔNG – 52000749**

Lớp **: 20050301**

Khoá  **: 24**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO CUỐI KỲ**

**PHÁT TRIỂN WEB NODEJS**

**WEB XEM PHIM TRỰC TUYẾN**

*Người hướng dẫn:* **TS VŨ ĐÌNH HỒNG**

*Người thực hiện:* **ĐINH VĂN THẮNG – 52000800**

**LÊ MINH KHÔI – 52000774**

**NGUYỄN DUY ĐÔNG – 52000749**

Lớp : **20050301**

Khoá  **: 24**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023**

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô trong bộ môn Khoa Học Máy Tính – Khoa Công nghệ thông tin – Đại học Tôn Đức Thắng đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập.

Tôi xin bày tỏ long biết ơn chân thành, lời cảm ơn sâu sắc đối với Thầy Vũ Đình Hồng đã hướng dẫn, giúp tôi giải quyết một số vấn đề còn khúc mắc trong tiểu luận.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2023*

*Tác giả*

Đinh Văn Thắng

Lê Minh Khôi

Nguyễn Duy Đông

**ĐỒ ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH**

**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Tôi xin cam đoan đây là sản phẩm đồ án của riêng tôi và được sự hướng dẫn của Thầy Vũ Đình Hồng . Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong đồ án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đồ án của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do tôi gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2023*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

Thang

Đinh Văn Thắng

Lê Minh Khôi

Nguyễn Duy Đông

PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

**Phần xác nhận của GV hướng dẫn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

**Phần đánh giá của GV chấm bài**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

TÓM TẮT

Với sự phát triển của Internet tốc độ cao và công nghệ kỹ thuật số, xem phim trực tuyến đã trở thành một trong những hoạt động giải trí phổ biến nhất. Xem phim online mang lại nhiều lợi ích và tiện lợi cho người dùng.

Thay vì phải đi đến rạp chiếu phim, bạn có thể truy cập hàng nghìn bộ phim đa dạng ngay trên website xem phim. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và chi phí. Ngoài ra, các website cung cấp những tính năng hữu ích như tìm kiếm nhanh, đánh giá phim và các lựa chọn về phụ đề, lồng tiếng để đáp ứng nhu cầu của người dùng.

Với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số và nhu cầu giải trí ngày càng cao, các trang web xem phim trực tuyến đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại. Chúng mang lại trải nghiệm giải trí tuyệt vời cho mọi đối tượng, từ trẻ em đến người cao tuổi.

Với việc truy cập dễ dàng và hấp dẫn, xem phim online chắc chắn sẽ tiếp tục là một trong những lựa chọn giải trí hàng đầu của nhiều người. Công nghệ và nội dung ngày càng phong phú sẽ mang đến nhiều thay đổi và đổi mới hơn nữa.

MỤC LỤC

[LỜI CẢM ƠN 1](#_Toc133066229)

[PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN 3](#_Toc133066230)

[TÓM TẮT 4](#_Toc133066231)

[MỤC LỤC 5](#_Toc133066232)

[DANH MỤC BẢNG BIỂU 9](#_Toc133066233)

[DANH MỤC HÌNH ẢNH 10](#_Toc133066234)

[CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG 13](#_Toc133066235)

[1.1 Giới thiệu đề tài 13](#_Toc133066236)

[1.2 Lý do và mục đích chọn đề tài 13](#_Toc133066237)

[1.3 Yêu cầu hệ thống 14](#_Toc133066238)

[1.3.1 Yêu cầu chức năng 14](#_Toc133066239)

[1.3.2 Yêu cầu phi chức năng 14](#_Toc133066240)

[1.3.2.1. Yêu cầu về hiệu suất 14](#_Toc133066241)

[1.3.2.2 Yêu cầu về an toàn 15](#_Toc133066242)

[CHƯƠNG 2 – PHÂN TÍCH THIẾT KẾ VÀ YÊU CẦU 16](#_Toc133066243)

[2.1 Nghiệp vụ 16](#_Toc133066244)

[2.1.1 Các nghiệp vụ cơ bản 16](#_Toc133066245)

[2.1.2 Đặc tả hệ thống 16](#_Toc133066246)

[2.2 Tác nhân 17](#_Toc133066247)

[2.3 Usescase 17](#_Toc133066248)

[2.3.1 Xem phim 17](#_Toc133066249)

[2.3.2 Tìm kiếm phim 17](#_Toc133066250)

[2.3.3 Quản lý phim 17](#_Toc133066251)

[2.4 Đặt tả Usecase 19](#_Toc133066252)

[2.4.1 Usecase tổng quát của hệ thống 19](#_Toc133066253)

[2.4.2 Usecase đăng nhập 20](#_Toc133066254)

[2.4.3 Usecase đăng xuất 22](#_Toc133066255)

[2.4.4 Usecase thêm phim 23](#_Toc133066256)

[2.4.5 Usecase cập nhật phim 25](#_Toc133066257)

[2.4.6 Usecase xóa phim 27](#_Toc133066258)

[2.4.7 Usecase tạo tài khoản 29](#_Toc133066259)

[2.4.8 Usecase sửa tài khoản 31](#_Toc133066260)

[2.4.9 Usecase xóa tài khoản 33](#_Toc133066261)

[2.4.10 Usecase thêm thể loại 35](#_Toc133066262)

[2.4.11 Usecase cập nhật thể loại 37](#_Toc133066263)

[2.4.12 Usecase xóa thể loại 39](#_Toc133066264)

[2.4.13 Usecase xóa bình luận 41](#_Toc133066265)

[2.4.13 Usecase thêm bình luận 43](#_Toc133066266)

[2.4.14 Usecase thêm quốc gia 45](#_Toc133066267)

[2.4.15 Usecase cập nhật quốc gia 47](#_Toc133066268)

[2.4.16 Usecase xóa quốc gia 49](#_Toc133066269)

[2.4.17 Usecase thêm danh mục 51](#_Toc133066270)

[2.4.18 Usecase cập nhật danh mục 53](#_Toc133066271)

[2.4.19 Usecase xóa danh mục 55](#_Toc133066272)

[2.4.20 Usecase thêm tập phim 57](#_Toc133066273)

[2.4.21 Usecase cập nhật tập phim 59](#_Toc133066274)

[2.4.22 Usecase xóa tập phim 61](#_Toc133066275)

[2.4.23 Usecase đánh giá phim 63](#_Toc133066276)

[2.4.24 Usecase phim yêu thích 65](#_Toc133066277)

[2.5 Activity Diagram 67](#_Toc133066278)

[2.5.1 Activity Login 67](#_Toc133066279)

[2.5.2 Activity Đăng ký. 68](#_Toc133066280)

[2.5.3 Activity tìm kiếm phim 69](#_Toc133066281)

[2.5.4 Activity xem phim lẻ. 70](#_Toc133066282)

[2.5.4 Activity xem phim bộ. 70](#_Toc133066283)

[2.5.5 Activity thêm comment. 71](#_Toc133066284)

[2.5.5 Activity thêm bookmark. 72](#_Toc133066285)

[2.5.6 Activity xem bookmark. 73](#_Toc133066286)

[2.5.7 Activity xóa phim trong bookmark. 74](#_Toc133066287)

[2.5.8 Activity quản lý phim. 75](#_Toc133066288)

[2.5.9 Activity quản lý thêm phim. 76](#_Toc133066289)

[2.5.10 Activity quản lý xóa phim. 77](#_Toc133066290)

[2.5.11 Activity quản lý sửa phim. 78](#_Toc133066291)

[2.5.12 Activity quản lý thể loại. 79](#_Toc133066292)

[2.5.13 Activity quản lý thêm thể loại. 80](#_Toc133066293)

[2.5.14 Activity quản lý xóa thể loại. 81](#_Toc133066294)

[2.5.15 Activity quản lý sửa thể loại. 82](#_Toc133066295)

[2.5.16 Activity quản lý user. 83](#_Toc133066296)

[2.5.17 Activity quản lý xóa user. 84](#_Toc133066297)

[2.5.18 Activity quản lý bình luận. 85](#_Toc133066298)

[2.5.19 Activity quản lý xóa bình luận. 86](#_Toc133066299)

[2.5.20 Activity quản lý quốc gia. 87](#_Toc133066300)

[2.5.21 Activity quản lý thêm quốc gia. 88](#_Toc133066301)

[2.5.22 Activity quản lý xóa quốc gia. 89](#_Toc133066302)

[2.5.23 Activity quản lý sửa quốc gia. 90](#_Toc133066303)

[2.5.24 Activity quản lý danh mục. 91](#_Toc133066304)

[2.5.25 Activity quản lý thêm danh mục. 92](#_Toc133066305)

[2.5.26 Activity quản lý xóa danh mục. 93](#_Toc133066306)

[2.5.27 Activity quản lý sửa danh mục. 94](#_Toc133066307)

[2.5.28 Activity quản lý tập phim. 95](#_Toc133066308)

[2.5.29 Activity quản lý thêm tập phim. 96](#_Toc133066309)

[2.5.30 Activity quản lý xóa tập phim. 97](#_Toc133066310)

[2.5.31 Activity quản lý sửa tập phim. 98](#_Toc133066311)

[2.6 Kiến trúc tổng quát. 99](#_Toc133066312)

[2.7 Mô hình thực thể ERD 99](#_Toc133066313)

[2.8 Sơ đồ lớp 100](#_Toc133066314)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 101](#_Toc133066315)

DANH MỤC BẢNG BIỂU

[Bảng 2.1 Tác nhân 10](#_Toc132921241)

[Bảng 2.2 Usecase đăng nhập 13](#_Toc132921242)

[Bảng 2.3 Usecase đăng xuất 14](#_Toc132921243)

[Bảng 2.4 Usecase thêm phim 16](#_Toc132921244)

[Bảng 2.5 Usecase cập nhật phim 18](#_Toc132921245)

[Bảng 2.6 Usecase xóa phim 19](#_Toc132921246)

[Bảng 2.7 Usecase tạo tài khoản 21](#_Toc132921247)

[Bảng 2.8 Usecase sửa tài khoản 22](#_Toc132921248)

[Bảng 2.10 Usecase xóa tài khoản 24](#_Toc132921249)

DANH MỤC HÌNH ẢNH

[Hình 2.1 Usecase đăng nhập 17](#_Toc133060331)

[Hình 2.2 Usecase đăng xuất 19](#_Toc133060332)

[Hình 2.3 Usecase thêm phim 20](#_Toc133060333)

[Hình 2.4 Usecase cập nhật phim 22](#_Toc133060334)

[Hình 2.5 Usecase xóa phim 23](#_Toc133060335)

[Hình 2.6 Usecase tạo tài khoản 25](#_Toc133060336)

[Hình 2.7 Usecase sửa tài khoản 26](#_Toc133060337)

[Hình 2.8 Usecase xóa tài khoản 28](#_Toc133060338)

[Hình 2.9 Usecase thêm thể loại 29](#_Toc133060339)

[Hình 2.10 Usecase cập nhật thể loại 31](#_Toc133060340)

[Hình 2.11 Usecase xóa thể loại 33](#_Toc133060341)

[Hình 2.12 Usecase xóa bình luận 34](#_Toc133060342)

[Hình 2.13 Usecase thêm bình luận 36](#_Toc133060343)

[Hình 2.14 Usecase thêm quốc gia 37](#_Toc133060344)

[Hình 2.15 Usecase cập nhật quốc gia 39](#_Toc133060345)

[Hình 2.16 Usecase xóa quốc gia 40](#_Toc133060346)

[Hình 2.17 Usecase thêm danh mục 42](#_Toc133060347)

[Hình 2.18 Usecase cập nhật danh mục 44](#_Toc133060348)

[Hình 2.19 Usecase xóa danh mục 45](#_Toc133060349)

[Hình 2.20 Usecase thêm tập phim 47](#_Toc133060350)

[Hình 2.21 Usecase cập nhật tập phim 49](#_Toc133060351)

[Hình 2.22 Usecase xóa tập phim 50](#_Toc133060352)

[Hình 2.23 Usecase đánh giá phim 52](#_Toc133060353)

[Hình 2.24 Usecase phim yêu thích 53](#_Toc133060354)

[Hình 2. 25 Activity Login 55](#_Toc133060355)

[Hình 2. 26Activity Đăng ký. 56](#_Toc133060356)

[Hình 2. 27Activity tìm kiếm phim 57](#_Toc133060357)

[Hình 2. 28 Activity xem phim lẻ. 58](#_Toc133060358)

[Hình 2. 29 Activity xem phim bộ. 59](#_Toc133060359)

[Hình 2. 30 Activity thêm comment. 60](#_Toc133060360)

[Hình 2. 31 Activity thêm bookmark. 61](#_Toc133060361)

[Hình 2. 32 Activity xem bookmark. 62](#_Toc133060362)

[Hình 2. 33 Activity xóa phim trong bookmark. 63](#_Toc133060363)

[Hình 2. 34 Activity quản lý phim. 64](#_Toc133060364)

[Hình 2. 35 Activity quản lý thêm phim. 65](#_Toc133060365)

[Hình 2. 36 Activity quản lý xóa phim. 66](#_Toc133060366)

[Hình 2. 37 Activity quản lý sửa phim. 67](#_Toc133060367)

[Hình 2. 38 Activity quản lý thể loại. 68](#_Toc133060368)

[Hình 2. 39 Activity quản lý thêm thể loại. 69](#_Toc133060369)

[Hình 2. 40 Activity quản lý xóa thể loại. 70](#_Toc133060370)

[Hình 2. 41 Activity quản lý sửa thể loại. 71](#_Toc133060371)

[Hình 2. 42 Activity quản lý user. 72](#_Toc133060372)

[Hình 2. 43 Activity quản lý xóa user. 73](#_Toc133060373)

[Hình 2. 44 Activity quản lý bình luận. 74](#_Toc133060374)

[Hình 2. 45 Activity quản lý xóa bình luận. 75](#_Toc133060375)

[Hình 2. 46 Activity quản lý quốc gia. 76](#_Toc133060376)

[Hình 2. 47 Activity quản lý thêm quốc gia. 77](#_Toc133060377)

[Hình 2. 48 Activity quản lý xóa quốc gia. 78](#_Toc133060378)

[Hình 2. 49 Activity quản lý sửa quốc gia. 79](#_Toc133060379)

[Hình 2. 50 Activity quản lý danh mục. 80](#_Toc133060380)

[Hình 2. 51 Activity quản lý thêm danh mục. 81](#_Toc133060381)

[Hình 2. 52 Activity quản lý xóa danh mục. 82](#_Toc133060382)

[Hình 2. 53 Activity quản lý sửa danh mục. 83](#_Toc133060383)

[Hình 2. 54 Activity quản lý tập phim. 84](#_Toc133060384)

[Hình 2. 55 Activity quản lý thêm tập phim. 85](#_Toc133060385)

[Hình 2. 56 Activity quản lý xóa tập phim. 86](#_Toc133060386)

[Hình 2. 57 Activity quản lý sửa tập phim. 87](#_Toc133060387)

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Giới thiệu đề tài

Xem phim online đã trở thành một trong những hoạt động giải trí phổ biến nhất trên Internet. Với sự phát triển của công nghệ và tốc độ Internet ngày càng nhanh, việc xem phim online đã trở nên dễ dàng và tiện lợi hơn bao giờ hết. Với một website xem phim online, bạn có thể truy cập vào hàng ngàn bộ phim đa dạng về thể loại và quốc gia chỉ trong vài cú nhấp chuột.

Website xem phim online không chỉ mang đến cho người dùng những giờ phút giải trí thư giãn mà còn giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại đến rạp chiếu phim. Bên cạnh đó, các website xem phim online còn cung cấp cho người dùng những tính năng hữu ích như tìm kiếm phim nhanh chóng, đánh giá phim, xem phim có phụ đề hoặc lồng tiếng, chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt.

Với tình hình phát triển mạnh mẽ của công nghệ và nhu cầu giải trí của người dùng ngày càng tăng cao, các website xem phim online đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại. Chúng mang đến cho người dùng những trải nghiệm giải trí tuyệt vời và đáp ứng nhu cầu giải trí của mọi đối tượng, từ trẻ em đến người lớn tuổi

1.2 Lý do và mục đích chọn đề tài

Thứ nhất, nhu cầu giải trí của người dùng: Xem phim là một trong những hoạt động giải trí phổ biến và được ưa chuộng nhất hiện nay. Việc tạo ra một website xem phim online sẽ đáp ứng được nhu cầu giải trí của người dùng một cách dễ dàng và thuận tiện hơn bao giờ hết.

Thứ hai, tính tiện lợi và linh hoạt: Với website xem phim online, người dùng có thể xem phim mọi lúc, mọi nơi và trên mọi thiết bị có kết nối internet. Điều này mang lại cho người dùng tính tiện lợi và linh hoạt hơn khi so sánh với việc phải đến rạp chiếu phim hay tải phim về máy tính.

Thứ ba, tiềm năng kinh doanh: Website xem phim online không chỉ đáp ứng nhu cầu giải trí của người dùng mà còn mang lại tiềm năng kinh doanh lớn. Việc thu hút lượng truy cập và đăng ký thành viên có thể giúp website thu được doanh thu từ quảng cáo, bán vé xem phim trực tuyến hay đăng ký thành viên trả phí để xem những nội dung đặc biệt. Đây là một lĩnh vực đang phát triển mạnh mẽ và có tiềm năng lớn để tạo ra lợi nhuận. Vì vậy nhóm chúng em quyết định chọn đề tài này vì các lí do trên.

1.3 Yêu cầu hệ thống

1.3.1 Yêu cầu chức năng

* Người dùng:
* Cho phép người dùng đăng nhập và đăng ký vào hệ thống.
* Cho phép người dùng chọn phim theo từng thể loại, tìm kiếm phim, bình luận, đánh giá, và lưu phim yêu thích
* Admin
* Quản lý thể loại phim
* Quản lý thông tin phim
* Quản lý user
* Quản lý bình luận
* Hệ thống
* Đảm bảo tính bảo mật thông tin của người dùng
* Phân cấp quyền sử dụng các chức năng của hệ thống đối với người dùng và admin

1.3.2 Yêu cầu phi chức năng

1.3.2.1. Yêu cầu về hiệu suất

* Tính tiện dụng: Giao diện thân thiện, dễ sử dụng đối với người biết một ít về công nghệ
* Tính hiệu quả: Đảm bảo hệ thống vẫn hoạt động tốt khi có một lượng lớn người dùng truy cập cùng 1 lúc.

1.3.2.2 Yêu cầu về an toàn

* Hệ thống có khả năng lưu trữ dữ liệu của khi hệ thống gặp sự cố như: bị virut, bị hacker tấn công, lỗi máy móc,...
* Cung cấp mã nguồn hệ thống, tài liệu thông tin về thiết kế, quản lý hệ thống cho nhân viên để có thể kiểm soát khi gặp bất kỳ sự cố nào.

CHƯƠNG 2 – PHÂN TÍCH THIẾT KẾ VÀ YÊU CẦU

2.1 Nghiệp vụ

2.1.1 Các nghiệp vụ cơ bản

* Quản lý phim.
* Quản lý người dùng.
* Quản lý phim.
* Quản lý danh mục thể, thể loại, quốc gia
* Quản lí bình luận

2.1.2 Đặc tả hệ thống

Quản lí tài khoản người dùng: Hệ thống cho phép quản trị viên tạo, sửa đổi và xóa tài khoản người dùng trên website. Quản trị viên cũng có thể quản lí các thông tin cá nhân của người dùng, bao gồm tên, địa chỉ, email và số điện thoại.

Quản lí danh mục phim: Hệ thống cho phép quản trị viên tạo, sửa đổi và xóa các danh mục phim trên website, bao gồm các thông tin như tên danh mục, mô tả và hình ảnh đại diện.

Quản lí phim: Hệ thống cho phép quản trị viên tạo, sửa đổi và xóa các thông tin liên quan đến phim trên website, bao gồm tên phim, đạo diễn, diễn viên, thể loại, năm sản xuất, mô tả và hình ảnh. Quản trị viên cũng có thể tải lên và quản lí các tập phim, bao gồm tên tập, thời lượng và liên kết tập.

Quản lí bình luận và đánh giá: Hệ thống cho phép quản trị viên quản lí các bình luận và đánh giá của người dùng về các phim trên website, bao gồm việc phê duyệt, sửa đổi hoặc xóa bình luận.

Thống kê hoạt động trên website: Hệ thống cho phép quản trị viên xem và theo dõi các hoạt động trên website, bao gồm số lượng người dùng truy cập, số lượt xem phim, số lượt tải phim và số lượng bình luận và đánh giá.

Quản lí tài khoản quản trị viên: Hệ thống cho phép quản trị viên tạo, sửa đổi và xóa tài khoản của các quản trị viên khác trên website.

2.2 Tác nhân

Sau khi tìm hiểu và thu thập thông qua các sản phẩm, trang web, các trang báo điện tử thì nhóm đã xác định được các tác nhân như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Người dùng | Mô tả |
| 1 | Khách hàng | Là người tìm kiếm, xem phim trên website. |
| 2 | Admin | Là người quản lý mọi hoạt động của hệ thống |

Bảng 2.1 Tác nhân

2.3 Usescase

2.3.1 Xem phim

* Mô tả: Người dùng muốn xem một bộ phim trên website.
* Tiền điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản của mình.
* Hành động: Người dùng tìm kiếm bộ phim muốn xem, chọn bộ phim và bắt đầu xem
* Kết quả: Người dùng có thể xem bộ phim trên website.

2.3.2 Tìm kiếm phim

* Mô tả: Người dùng muốn tìm kiếm một bộ phim trên website.
* Tiền điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào tài khoản của mình.
* Hành động: Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm hoặc chọn các tiêu chí để lọc kết quả tìm kiếm.
* Kết quả: Hệ thống hiển thị danh sách các bộ phim phù hợp với từ khóa hoặc tiêu chí tìm kiếm của người dùng.

2.3.3 Quản lý phim

* Mô tả: Quản trị viên muốn thêm, sửa, xóa thông tin của một bộ phim.
* Tiền điều kiện: Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản trị.
* Hành động: Quản trị viên truy cập vào mục quản lý phim, thêm, sửa, xóa thông tin của một bộ phim.
* Kết quả: Thông tin của bộ phim đã được thêm, sửa, xóa thành công trên hệ thống.

2.3.4 Quản lý người dùng

* Mô tả: Quản trị viên muốn quản lý thông tin tài khoản và hoạt động của người dùng.
* Tiền điều kiện: Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống quản trị.
* Hành động: Quản trị viên truy cập vào mục quản lý người dùng, xem thông tin tài khoản và hoạt động của người dùng, thực hiện các hành động quản lý như khóa tài khoản, xóa tài khoản, cấp quyền cho tài khoản,...
* Kết quả: Thông tin và hoạt động của người dùng đã được quản lý và điều chỉnh thành công trên hệ thống.

2.4 Đặt tả Usecase

2.4.1 Usecase tổng quát của hệ thống

Diagram

Description automatically generated

2.4.2 Usecase đăng nhập

Diagram

Description automatically generated

Hình 2.1 Usecase đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Đăng nhập. |
| Ngữ cảnh | Khi người dùng khi muốn đăng nhập vào hệ thống. |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng nhấn vào nút “Đăng nhập”. |
| Mô tả | Khi người dùng khi muốn thực hiện những công việc của mình cần đăng nhập vào hệ thống. |
| Tác nhân | Bất cứ ai |
| Bên liên quan | Admin, User |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản của người dùng đã có trong hệ thống. |
| Điều kiện sau | Đăng nhập thành công. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng nhập xong thông tin đăng nhập. | 1. Hệ thống yêu cầu người dùng cung cấp thông tin đăng nhập gồm tên đăng nhập và mật khẩu. | | 2.Người dùng nhấn vào nút “Đăng nhập” | 2. Hệ thống check lại thông tin đăng nhập và thông báo thành công/thất bại cho người dùng. Nếu đăng nhập thành công hệ thống dựa trên thông tin đăng nhập sẽ đồng thời phân quyền tùy theo loại. Nếu đăng nhập thất bại, hệ thống sẽ hiện thông báo cho người dùng và yêu cầu đăng nhập lại. | |
| Ngoại lệ | Nếu người dùng nhập sai tên hoặc mật khẩu, hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi. Người dùng có thể chọn trở về đầu của Dòng sự kiện chính hoặc hủy bỏ việc đăng nhập, lúc này Usercase kết thúc. |

Bảng 2.2 Usecase đăng nhập

2.4.3 Usecase đăng xuất

Diagram

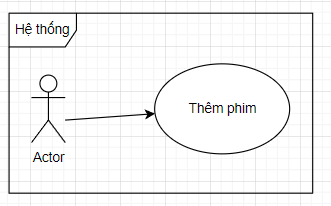
Description automatically generated

Hình 2.2 Usecase đăng xuất

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Đăng xuất. |
| Ngữ cảnh | Khi người dùng khi muốn đăng xuất khỏi hệ thống. |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng nhấn vào nút “Đăng xuất”. |
| Mô tả | Khi người dùng khi muốn đăng xuất tài khoảng họ trên Website. |
| Tác nhân | Bất cứ ai |
| Bên liên quan | Admin, User |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản của người dùng đã có trong hệ thống. |
| Điều kiện sau | Đăng xuất thành công. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1.Actor thực hiện chức năng đăng xuất khỏi hệ thống.  2.Actor dùng xác nhận đăng xuất | 1. Hệ thống hiển thị yêu cầu xác nhận từ actor  2. Hệ thống đăng xuất tài khoản actor khỏi hệ thống. Nếu Actor không xác nhận đăng xuất thì hệ thống sẽ giữ nguyên hiện trạng. | |
| Ngoại lệ | Không. |

Bảng 2.3 Usecase đăng xuất

2.4.4 Usecase thêm phim

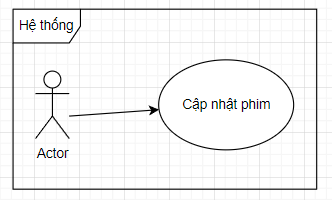


Hình 2.3 Usecase thêm phim

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thêm phim |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn thêm phim mới |
| Sự kiện kích hoạt | Khi admin bấm vào nút “Thêm phim”. |
| Mô tả | Admin sẽ nhập tất cả thông tin của phim bao gồm tên phim, thể loại, quốc gia, đạo diễn |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Admin |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản admin phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Điều kiện sau | Hoàn thành việc thêm phim mới trên website. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống  2. Admin chọn “Quản lí phim” 🡪 “Thêm phim”  3. Admin nhập thông tin và gửi cho hệ thống | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống trả về form tạo phim cho admin.  3. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin. Nếu admin nhập đầy đủ thông tin của form thì hệ thống sẽ tiến hành tạo phim và thông báo tạo phim thành công. Nếu admin nhập không đủ và không chính xác thông tin hệ thống sẽ báo lỗi và sẽ không tạo phim cho đến khi người dùng nhập thông tin hoàn tất. | |
| Ngoại lệ | Phim đã tồn tại trong hệ thống buộc admin phải thêm phim khác |

Bảng 2.4 Usecase thêm phim

2.4.5 Usecase cập nhật phim



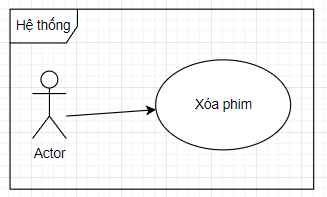
Hình 2.4 Usecase cập nhật phim

Usecase cập nhật phim

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Cập nhật phim. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn chỉnh sửa phim khi có thay đổi |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào icon “Cập nhật phim”. |
| Mô tả | Cập nhật lại phim khi có sai sót về diễn viên, đạo diễn, thể loại, quốc gia, danh muc |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo cập nhật phim thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí phim”.  3. Admin chọn phim cần thay đổi và cập nhật lại phim | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách phim.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo cập nhật phim thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.5 Usecase cập nhật phim

2.4.6 Usecase xóa phim

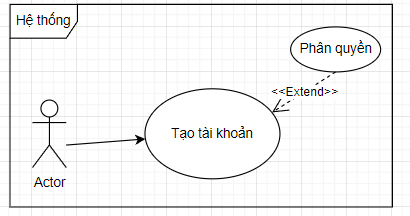


Hình 2.5 Usecase xóa phim

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xóa phim. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn xóa phim |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào nút icon “Xóa phim”. |
| Mô tả | Xóa phim khi phim đã quá cũ hoặc đã bị cấm chiếu vì không phù hợp văn hóa tại địa phương |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo xóa phim thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí phim”.  3. Admin chọn phim cần xóa, sau đó sẽ hiển thị lên thông báo xác nhận nếu muốn xóa thì chọn Xóa ngược lại chọn Hủy | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách phim.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo xóa phim thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.6 Usecase xóa phim

2.4.7 Usecase tạo tài khoản

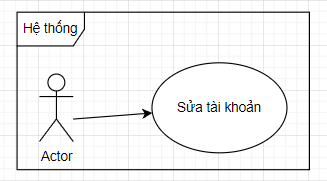


Hình 2.6 Usecase tạo tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Tạo tài khoản |
| Ngữ cảnh | Khi người dùng khi muốn tạo một tài khoản vào hệ thống. |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng nhấn vào nút “Đăng ký”. |
| Mô tả | Khi người dùng muốn là đánh giá, bình luận, hay chọn phim yêu thích |
| Tác nhân | Bất cứ ai |
| Bên liên quan | User |
| Điều kiện tiên quyết | Không có |
| Điều kiện sau | Đăng ký thành công một tài khoản của website. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng chọn “Đăng kí”.  2. Người dùng nhập thông tin và gửi cho hệ thống | 1. Hệ thống trả về form tạo tài khoản cho người dùng.  2. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin. Nếu người dùng nhập đầy đủ thông tin của form thì hệ thống sẽ tiến hành tạo tài khoản và thông báo tạo tài khoản thành công. Nếu người dùng nhập không đủ và không chính xác thông tin hệ thống sẽ báo lỗi | |
| Ngoại lệ | Username hoặc email đã tồn tại trong hệ thống. Buộc người dùng phải dùng một username khác hoặc email mới. |

Bảng 2.7 Usecase tạo tài khoản

2.4.8 Usecase sửa tài khoản

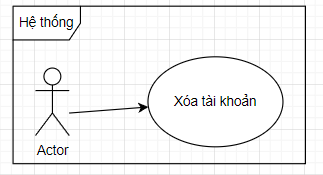


Hình 2.7 Usecase sửa tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Sửa tài khoản. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn chuyển tài khoản đã đăng nhập thành admin |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng ấn vào nút “Sửa tài khoản”. |
| Mô tả | Khi người dùng đã đăng nhập và làm việc với admin sau đó sẽ được cấp quyền từ người dùng thành admin |
| Tác nhân | Admin |
| UC liên quan | Đăng nhập. |
| Bên liên quan | Khách hàng. |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Điều kiện sau | Hoàn tất cập nhật tài khoản. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn “Quản lí user”  3.1 Admin chọn chuyển người dùng thành admin | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản.  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2.1 Hệ thống hiển thị thông tin của người dùng đã tạo tài khoản  3.1 Nếu luồng sự kiện thành công thì khách hàng sẽ được cập nhật là admin và truy cập được vào trang admin | |
| Ngoại lệ | Nếu không tồn tại khách hàng cần sửa,hiển thị thông báo không tồn tại khách hàng. |

Bảng 2.8 Usecase sửa tài khoản

2.4.9 Usecase xóa tài khoản

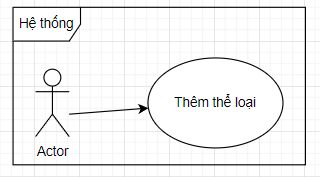


Hình 2.8 Usecase xóa tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xóa người dùng |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn xóa tài khoản người dùng nào đó. |
| Sự kiện kích hoạt | Chọn vào biểu tượng “Xóa tài khoản”. |
| Mô tả | Khi admin muốn xóa một tài khoản người dùng nào đó. |
| Tác nhân | Admin |
| UC liên quan | Đăng nhập. |
| Bên liên quan | Người dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Đã đăng nhập và trong danh sách đã có tài khoản người dùng đã đăng kí vào hệ thống. |
| Điều kiện sau | Thông tin tài khoản người dùng đã được xóa. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí user”  3. Người dùng chọn khách hàng cần xóa sau đó chọn xác nhận xóa tài khoản | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản.  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thị thông tin tài khoản người dùng cần xóa  3.1 Hê thống sẽ hiện thị thông báo xóa người dùng thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.9 Usecase xóa tài khoản

2.4.10 Usecase thêm thể loại

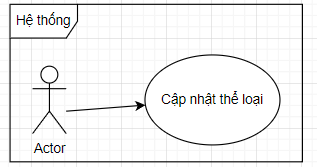


Hình 2.9 Usecase thêm thể loại

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thêm thể loại |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn thêm thể loại mới |
| Sự kiện kích hoạt | Khi admin bấm vào nút “Thêm thể loại”. |
| Mô tả | Admin sẽ nhập tên thể loại |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Admin |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản admin phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Điều kiện sau | Hoàn thành việc thêm thể loại mới trên website. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống  2. Admin chọn “Quản lí thể loại” 🡪 “Thêm thể loại”  3. Admin nhập thông tin và gửi cho hệ thống | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống trả về form nhập thể loại cho admin.  3. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin. Nếu admin nhập đầy đủ thông tin của form thì hệ thống sẽ tiến hành tạo thể loại và thông báo tạo thể loại thành công. Nếu admin nhập không đủ và không chính xác thông tin hệ thống sẽ báo lỗi và sẽ không tạo thể loại cho đến khi người dùng nhập thông tin hoàn tất. | |
| Ngoại lệ | Thể loại đã tồn tại thì buộc admin phải thêm thể loại khác |

Bảng 2.10 Usecase thêm thể loại

2.4.11 Usecase cập nhật thể loại

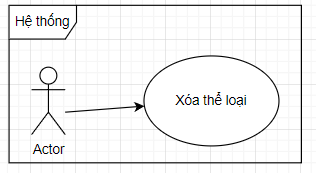


Hình 2.10 Usecase cập nhật thể loại

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Cập nhật thể loại. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn chỉnh sửa thể loại khi nhập sai |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào icon “Cập nhật thể loại”. |
| Mô tả | Cập nhật lại thể loại khi do lỗi nhập vào hoặc cần thay đổi |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo cập nhật thể loại thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí thể loại”.  3. Admin chọn thể loại cần thay đổi sửa thông tin sau nhấn nút cập nhật | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách thể loại.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo cập nhật thể loại thành công | |
| Ngoại lệ | Cập nhật thể loại không tồn tại trong danh sách |

Bảng 2.11 Usecase cập nhật thể loại

2.4.12 Usecase xóa thể loại

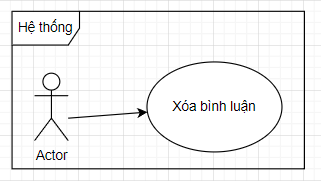


Hình 2.11 Usecase xóa thể loại

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xóa thể loại. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn xóa thể loại |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào nút icon “Xóa thể loại”. |
| Mô tả | Xóa thể loại khi có sai sót |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo xóa thể loại thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí thể loại”.  3. Admin chọn thể loại cần xóa, sau đó sẽ hiển thị lên thông báo xác nhận nếu muốn xóa thì chọn Xóa ngược lại chọn Hủy | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách thể loại.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo xóa thể loại thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.12 Usecase xóa thể loại

2.4.13 Usecase xóa bình luận

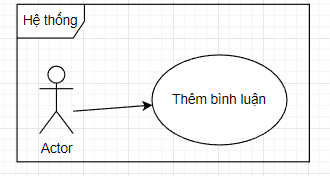


Hình 2.12 Usecase xóa bình luận

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xóa bình luận. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn xóa bình luận tiêu cực |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào nút icon “Xóa bình luận”. |
| Mô tả | Xóa bình luận khi người dùng bình luận tiêu cực, có ngôn từ thiếu văn hóa |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo xóa bình luận thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí bình luận”.  3. Admin chọn bình luận cần xóa, sau đó sẽ hiển thị lên thông báo xác nhận nếu muốn xóa thì chọn Xóa ngược lại chọn Hủy | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách bình luận.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo xóa bình luận thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.13 Usecase xóa bình luận

2.4.13 Usecase thêm bình luận

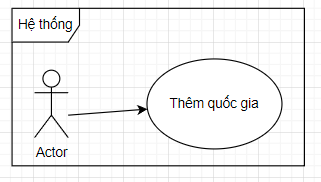


Hình 2.13 Usecase thêm bình luận

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thêm bình luận. |
| Ngữ cảnh | Khi người dùng đã đăng nhập thì sẽ được bình luận phim |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng bấm nút post để gửi bình luận |
| Mô tả | Người dùng bình luận được phim khi đã đăng nhập |
| Tác nhân | Người dùng |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng phải đăng nhập thành công |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo bình luận thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng đăng nhập vào hệ thống.  2. Người dùng nhập nội dung bình luận và bấm bút post để đăng bài | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin. Nếu người dùng nhập đầy đủ thông tin của form bình luận thì hệ thống sẽ tiến hành thêm bình luận thuộc phim cơ sở dữ liệu và thông báo bình luận thành công. Nếu người nhập không đủ và không chính xác thông tin hệ thống sẽ báo lỗi và sẽ không được bình luận | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.14 Usecase thêm bình luận

2.4.14 Usecase thêm quốc gia

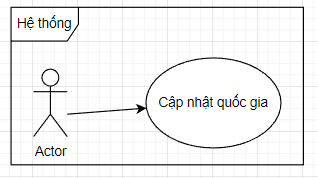


Hình 2.14 Usecase thêm quốc gia

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thêm quốc gia |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn thêm quốc gia mới |
| Sự kiện kích hoạt | Khi admin bấm vào nút “Thêm quốc gia”. |
| Mô tả | Admin sẽ nhập tên quốc gia |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Admin |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản admin phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Điều kiện sau | Hoàn thành việc thêm quốc gia mới trên website. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống  2. Admin chọn “Quản lí quốc gia” 🡪 “Thêm quốc gia”  3. Admin nhập thông tin và gửi cho hệ thống | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống trả về form nhập quốc gia cho admin.  3. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin. Nếu admin nhập đầy đủ thông tin của form thì hệ thống sẽ tiến hành tạo quốc gia và thông báo tạo quốc gia thành công. Nếu admin nhập không đủ và không chính xác thông tin hệ thống sẽ báo lỗi và sẽ không tạo quốc gia cho đến khi người dùng nhập thông tin hoàn tất. | |
| Ngoại lệ | Quốc gia đã tồn tại thì buộc admin phải thêm quốc gia khác |

Bảng 2.15 Usecase thêm quốc gia

2.4.15 Usecase cập nhật quốc gia

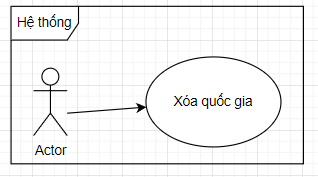


Hình 2.15 Usecase cập nhật quốc gia

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Cập nhật quốc gia |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn chỉnh sửa quốc gia khi nhập sai |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào icon “Cập nhật quốc gia”. |
| Mô tả | Cập nhật lại quốc gia khi do lỗi nhập vào hoặc cần thay đổi |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo cập nhật quốc gia thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí quốc gia”.  3. Admin chọn quốc gia cần thay đổi sửa thông tin sau nhấn nút cập nhật | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách quốc gia.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo cập nhật quốc gia thành công | |
| Ngoại lệ | Cập nhật quốc gia không tồn tại trong danh sách |

Bảng 2.16 Usecase cập nhật quốc gia

2.4.16 Usecase xóa quốc gia

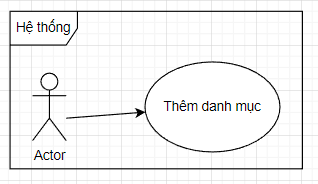


Hình 2.16 Usecase xóa quốc gia

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xóa quốc gia. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn xóa quốc gia |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào nút icon “Xóa quốc gia”. |
| Mô tả | Xóa quốc gia khi có sai sót |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo xóa quốc gia thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí quốc gia”.  3. Admin chọn quốc gia cần xóa, sau đó sẽ hiển thị lên thông báo xác nhận nếu muốn xóa thì chọn Xóa ngược lại chọn Hủy | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách quốc gia.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo xóa quốc gia thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.17 Usecase xóa quốc gia

2.4.17 Usecase thêm danh mục

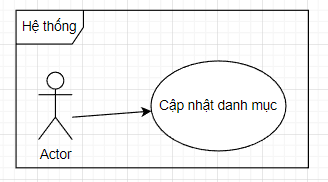


Hình 2.17 Usecase thêm danh mục

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thêm danh mục |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn thêm danh mục mới |
| Sự kiện kích hoạt | Khi admin bấm vào nút “Thêm danh mục”. |
| Mô tả | Admin sẽ nhập tên danh mục |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Admin |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản admin phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Điều kiện sau | Hoàn thành việc thêm danh mục mới trên website. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống  2. Admin chọn “Quản lí danh mục” 🡪 “Thêm danh mục”  3. Admin nhập thông tin và gửi cho hệ thống | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống trả về form nhập danh mục cho admin.  3. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin. Nếu admin nhập đầy đủ thông tin của form thì hệ thống sẽ tiến hành tạo danh mục và thông báo tạo danh mục thành công. Nếu admin nhập không đủ và không chính xác thông tin hệ thống sẽ báo lỗi và sẽ không tạo danh mục cho đến khi người dùng nhập thông tin hoàn tất. | |
| Ngoại lệ | Danh mục đã tồn tại thì buộc admin phải thêm danh mục khác |

Bảng 2.18 Usecase thêm danh mục

2.4.18 Usecase cập nhật danh mục

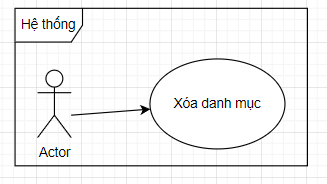


Hình 2.18 Usecase cập nhật danh mục

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Cập nhật danh mục |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn chỉnh sửa danh mục khi nhập sai |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào icon “Cập nhật danh mục”. |
| Mô tả | Cập nhật lại danh mục khi do lỗi nhập vào hoặc cần thay đổi |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo cập nhật danh mục thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí danh mục”.  3. Admin chọn danh mục cần thay đổi sửa thông tin sau nhấn nút cập nhật | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách danh mục.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo cập nhật danh mục thành công | |
| Ngoại lệ | Cập nhật danh mục không tồn tại trong danh sách |

Bảng 2.19 Usecase cập nhật danh mục

2.4.19 Usecase xóa danh mục

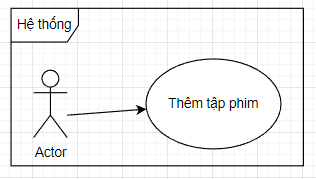


Hình 2.19 Usecase xóa danh mục

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xóa danh mục. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn xóa danh mục |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào nút icon “Xóa danh mục”. |
| Mô tả | Xóa danh mục khi có sai sót |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo xóa danh mục thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí danh mục”.  3. Admin chọn danh mục cần xóa, sau đó sẽ hiển thị lên thông báo xác nhận nếu muốn xóa thì chọn Xóa ngược lại chọn Hủy | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách danh mục.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo xóa danh mục thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.20 Usecase xóa danh mục

2.4.20 Usecase thêm tập phim

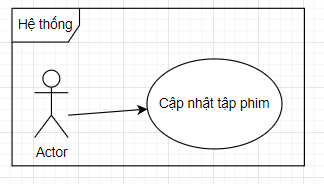


Hình 2.20 Usecase thêm tập phim

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thêm tập phim |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn thêm tập phim mới |
| Sự kiện kích hoạt | Khi admin bấm vào nút “Thêm tập phim”. |
| Mô tả | Admin sẽ nhập tên tập phim |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Admin |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản admin phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Điều kiện sau | Hoàn thành việc thêm tập phim mới trên website. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống  2. Admin chọn “Quản lí tập phim” 🡪 “Thêm tập phim”  3. Admin nhập thông tin và gửi cho hệ thống | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống trả về form nhập tập phim cho admin.  3. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin. Nếu admin nhập đầy đủ thông tin của form thì hệ thống sẽ tiến hành tạo tập phim và thông báo tạo tập phim thành công. Nếu admin nhập không đủ và không chính xác thông tin hệ thống sẽ báo lỗi và sẽ không tạo tập phim cho đến khi người dùng nhập thông tin hoàn tất. | |
| Ngoại lệ | Tập phim đã tồn tại thì buộc admin phải thêm tập phim khác |

Bảng 2.21 Usecase thêm tập phim

2.4.21 Usecase cập nhật tập phim

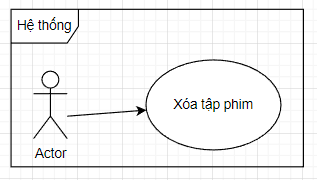


Hình 2.21 Usecase cập nhật tập phim

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Cập nhật tập phim |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn chỉnh sửa tập phim khi nhập sai |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào icon “Cập nhật tập phim”. |
| Mô tả | Cập nhật lại tập phim khi do lỗi nhập vào hoặc cần thay đổi |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo cập nhật tập phim thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí tập phim”.  3. Admin chọn tập phim cần thay đổi sửa thông tin sau nhấn nút cập nhật | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách tập phim.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo cập nhật tập phim thành công | |
| Ngoại lệ | Cập nhật tập phim không tồn tại trong danh sách |

Bảng 2.22 Usecase cập nhật tập phim

2.4.22 Usecase xóa tập phim

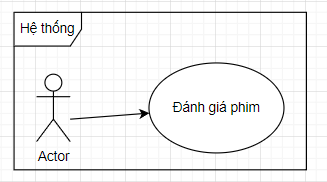


Hình 2.22 Usecase xóa tập phim

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xóa tập phim. |
| Ngữ cảnh | Khi admin muốn xóa tập phim |
| Sự kiện kích hoạt | Admin nhấn vào nút icon “Xóa tập phim”. |
| Mô tả | Xóa tập phim khi có sai sót |
| Tác nhân | Admin |
| Bên liên quan | Không |
| Điều kiện tiên quyết | Tài khoản cập nhật sẽ là admin |
| Điều kiện sau | Hiển thị thông báo xóa tập phim thành công |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Admin đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn mục “Quản lí tập phim”.  3. Admin chọn tập phim cần xóa, sau đó sẽ hiển thị lên thông báo xác nhận nếu muốn xóa thì chọn Xóa ngược lại chọn Hủy | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống hiển thi danh sách tập phim.  3. Hệ thống cập nhật hoàn tất và hiển thị thông báo xóa tập phim thành công | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.23 Usecase xóa tập phim

2.4.23 Usecase đánh giá phim

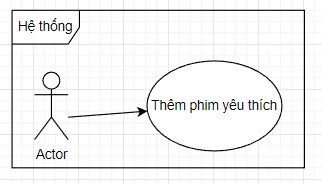


Hình 2.23 Usecase đánh giá phim

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Đánh gia phim |
| Ngữ cảnh | Khi người dùng chọn số sao muốn đánh giá và gửi đánh giá |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dụng gửi đánh gái |
| Mô tả | Người dùng sẽ đánh giá phim |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Tác nhân | Người dùng |
| Bên liên quan | Người dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống thành công |
| Điều kiện sau | Hoàn thành việc đánh giá phim |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng đăng nhập vào hệ thống  2. Người dùng số sao muốn đánh giá sau đó gửi đánh giá | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống tiến hành lưu thông tin người dùng và số sao đánh giá | |
| Ngoại lệ |  |

Bảng 2.24 Usecase đánh giá phim

2.4.24 Usecase phim yêu thích



Hình 2.24 Usecase phim yêu thích

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Phim yêu thích |
| Ngữ cảnh | Khi người dụng chọn phim yêu thích và thêm vào danh sách |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng thêm vào danh sách yêu thích |
| Mô tả | Khi người dung thêm phim vào danh sách yêu thích |
| UC liên quan | Đăng nhập |
| Tác nhân | Người dùng |
| Bên liên quan | Người dùng |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống thành công |
| Điều kiện sau | Hoàn thành việc thêm phim yêu thích |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Tác nhân | Hệ thống | | 1. Người dùng đăng nhập vào hệ thống  2. Người dụng chọn phim sau đó chọn bookmark | 1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản  1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.  2. Hệ thống sẽ tiến hành lưu thông tin người dùng và thông tin phim | |
| Ngoại lệ |  |

2.5 Activity Diagram

2.5.1 Activity Login

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity Login

2.5.2 Activity Đăng ký.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity Đăng ký.

2.5.3 Activity tìm kiếm phim

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity tìm kiếm phim

2.5.4 Activity xem phim lẻ.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity xem phim lẻ.

2.5.4 Activity xem phim bộ.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity xem phim bộ.

2.5.5 Activity thêm comment.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity thêm comment.

2.5.5 Activity thêm bookmark.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity thêm bookmark.

2.5.6 Activity xem bookmark.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity xem bookmark.

2.5.7 Activity xóa phim trong bookmark.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity xóa phim trong bookmark.

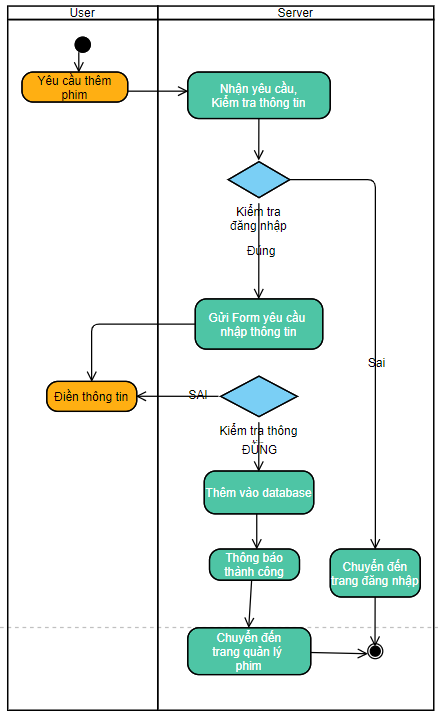
2.5.8 Activity quản lý phim.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý phim.

2.5.9 Activity quản lý thêm phim.



Hình 2. Activity quản lý thêm phim.

2.5.10 Activity quản lý xóa phim.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý xóa phim.

2.5.11 Activity quản lý sửa phim.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý sửa phim.

2.5.12 Activity quản lý thể loại.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý thể loại.

2.5.13 Activity quản lý thêm thể loại.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý thêm thể loại.

2.5.14 Activity quản lý xóa thể loại.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý xóa thể loại.

2.5.15 Activity quản lý sửa thể loại.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý sửa thể loại.

2.5.16 Activity quản lý user.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý user.

2.5.17 Activity quản lý xóa user.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý xóa user.

2.5.18 Activity quản lý bình luận.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý bình luận.

2.5.19 Activity quản lý xóa bình luận.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý xóa bình luận.

2.5.20 Activity quản lý quốc gia.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý quốc gia.

2.5.21 Activity quản lý thêm quốc gia.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý thêm quốc gia.

2.5.22 Activity quản lý xóa quốc gia.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý xóa quốc gia.

2.5.23 Activity quản lý sửa quốc gia.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý sửa quốc gia.

2.5.24 Activity quản lý danh mục.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý danh mục.

2.5.25 Activity quản lý thêm danh mục.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý thêm danh mục.

2.5.26 Activity quản lý xóa danh mục.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý xóa danh mục.

2.5.27 Activity quản lý sửa danh mục.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý sửa danh mục.

2.5.28 Activity quản lý tập phim.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý tập phim.

2.5.29 Activity quản lý thêm tập phim.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý thêm tập phim.

2.5.30 Activity quản lý xóa tập phim.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý xóa tập phim.

2.5.31 Activity quản lý sửa tập phim.

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Activity quản lý sửa tập phim.

2.6 Kiến trúc tổng quát.

Table

Description automatically generated

Hình 2. Kiến trúc tổng quát

2.7 Mô hình thực thể ERD

Diagram, schematic

Description automatically generated

Hình 2. Mô hình thực thể ERD.

2.8 Sơ đồ lớp

Diagram

Description automatically generated

Hình 2. Sơ đồ lớp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] <https://vietnix.vn/tim-hieu-mo-hinh-mvc-la-gi/>

[2] <https://vinasupport.com/laravel-la-gi-tong-quan-ve-laravel-php-framework/>

[3] <https://viblo.asia/p/tap-5-vong-doi-request-laravel-request-lifecycle-laravel-LzD5dwqOljY>

[4]<https://www.youtube.com/watch?v=iP5PV99eBrk&list=PLzrVYRai0riRnmKWhDEYixPDLs3CCk2lO&index=29>

[5]<https://www.youtube.com/playlist?list=PL8y3hWbcppt2nWBglaxrQm_A5sRjstdnK>